

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72^A/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/3/2023

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**.

Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 311/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Trương Vũ T**, sinh ngày 23/9/1983.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Đội 1, thôn V, xã T1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Đỗ Thị Hồng L**, sinh ngày 20/6/1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 1, thôn V, xã T1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan. Vắng mặt lần thứ hai và đề nghị giải quyết theo quy định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Văn P**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn T2, xã K, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh **Trương Vũ T** trình bày: Anh và chị **Đỗ Thị Hồng L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/3/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh đi lao động tại Dubai đến năm 2017 anh về nước. Năm 2018 vợ chồng

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tin tưởng nhau và hay xảy ra xô xát, cãi nhau. Tháng 8.2018 chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị không về. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cuối năm 2018 chị L đi lao động tại Đài Loan, đến nay chưa về nước, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị Hồng L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thị Thảo N, sinh ngày 12/01/2015, hiện con đang ở với ông bà ngoại. Do con đang có cuộc sống ổn định tại gia đình bên ngoại nên anh đề nghị giao con cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam anh nhất trí giao con cho ông Đỗ Văn P chăm sóc cho đến khi chị L về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị L nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị L. Ông Đỗ Văn P (bố đẻ chị L) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết, chị L có quan điểm xác định anh T không chung thủy với chị và đã có con riêng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh T có đơn xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh T trình bày là đúng, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và nhất trí anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho ông Phiêu thay chị chăm sóc con Trương Thị Thảo N cho đến khi chị về nước. Về tài sản chung: chị L trình bày vợ chồng chị có đưa tiền cho bố mẹ chồng xây nhà. Tuy nhiên, anh chị tự thống nhất giải quyết nên chị không gửi đơn về và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Đỗ Văn P nhất trí thay chị L chăm sóc cháu Trương Thị Thảo N cho đến khi chị L về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị Thảo N.

Con chung của anh T và chị L là cháu Trương Thị Thảo N có nguyện vọng được ở với chị L và ông ngoại.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T, chị L đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với nhau tại địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh T đi lao động ở nước ngoài khoảng 5 năm thì về nước, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn. Sau đó chị L đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Vũ T ly hôn chị Đỗ Thị Hồng L. Về con chung: Giao con chung Trương Thị Thảo N cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Tạm giao cháu Trương Thị Thảo N cho ông Đỗ Văn P chăm sóc trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam. Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trương Vũ T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Đỗ Thị Hồng L có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn V, xã T1, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện chị L đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị L cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Phiêu là bố đẻ chị L để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị L đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông Phiêu vẫn thường xuyên liên lạc với chị L và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị L. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình chị L đề nghị giải quyết theo quy định, ông Phiêu có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Vũ T và chị Đỗ Thị Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/3/2009 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh T đi lao động tại Dubai, đến năm 2018 anh về nước thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng nghi ngờ tình cảm của nhau nên hay xảy ra xô xát, cãi nhau. Chị L cùng con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và đi xuất cảnh lao động tại Đài Loan từ cuối năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng chủ yếu

sống xa cách mỗi người một nơi, nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Thông qua gia đình chị L cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu nên không còn tình cảm, hiện anh T đã có người phụ nữ khác và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Vũ T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Trương Vũ T và chị Đỗ Thị Hồng L có 01 con chung là Trương Thị Thảo N, sinh ngày 12/01/2015, hiện đang ở với ông ngoại là Đỗ Văn P. Anh T và chị L thống nhất giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Con chung Trương Thị Thảo N có nguyện vọng được ở với chị L. Chị L ủy quyền cho ông Đỗ Văn P chăm sóc con chung Trương Thị Thảo N cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Trương Thị Thảo N cho ông Phiêu nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh Trương Vũ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Vũ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Vũ T ly hôn chị Đỗ Thị Hồng L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị Hồng L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Thị Thảo N, sinh ngày 12/01/2015 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao con Trương Thị Thảo N cho ông Đỗ Văn P nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trương Vũ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001733 ngày 21/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Trương Vũ T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Vũ T và ông Đỗ Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị Hồng L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T1, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường